

Số: 181/QĐ-MNMT

Minh Tân, ngày 25 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Trường Mầm non Minh Thuận

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 về việc ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non;

Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình về kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025;

Kế hoạch số 308/UBND-VHXXH ngày 25/9/2025 về việc triển khai kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục đào tạo năm 2025;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại Trường Mầm non Minh Thuận;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Trường Mầm non Minh Thuận.

Điều 2. Quy chế này áp dụng đối với toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan trong nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các tổ chuyên môn, bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế; định kỳ báo cáo kết quả về Ban Giám hiệu theo quy định.

Nơi nhận:

- CBGVNV;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Ngoan

QUY CHẾ
Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số
trong Trường Mầm non Minh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-MNMT ngày 25 tháng 10 năm 2025
của Trường Mầm non Minh Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định nội dung, hình thức và trách nhiệm trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số vào toàn bộ hoạt động của Trường Mầm non Minh Thuận bao gồm: công tác quản lý, điều hành; nuôi dưỡng, chăm sóc; tổ chức hoạt động giáo dục trẻ; quản lý hồ sơ, dữ liệu và các hoạt động liên quan khác.

Đối tượng áp dụng là toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; các tổ chuyên môn, bộ phận hành chính, nuôi dưỡng và các cá nhân, bộ phận có liên quan đến việc tổ chức, triển khai và sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Mục tiêu

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao hiệu quả xử lý công việc, chất lượng chuyên môn và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

Từng bước triển khai chuyển đổi số trong nhà trường theo định hướng của ngành giáo dục; tổ chức quản lý, lưu trữ, khai thác hồ sơ, dữ liệu trên môi trường số; hình thành môi trường làm việc điện tử, bảo đảm tính liên thông, đồng bộ và hiệu quả trong hoạt động quản lý.

Nâng cao năng lực số và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua tập huấn, bồi dưỡng và tự học; từng bước hình thành thói quen làm việc trên môi trường số, góp phần xây dựng văn hóa số trong nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành giáo dục; đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ của nhà trường.

2. Đảm bảo triển khai đồng bộ, thống nhất trong toàn trường; dữ liệu được quản lý tập trung, liên thông giữa các bộ phận; thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, đặc biệt là thông tin liên quan đến trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phải gắn với yêu cầu thực tiễn công việc, phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý, giảng dạy và chăm sóc, giáo dục trẻ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, đầu tư dàn trải hoặc sử dụng không đúng mục đích.

4. Xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc triển khai và sử dụng công nghệ thông tin; kết quả thực hiện là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua hằng năm.

Chương II

NỘI DUNG ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 4. Ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường

1. Thực hiện quản lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; tăng cường sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản đối với CBQL, từng bước thay thế hồ sơ giấy bằng hồ sơ điện tử, đảm bảo tính pháp lý, thuận tiện trong tra cứu và khai thác.

2. Ứng dụng phần mềm trong quản lý nhân sự, tài chính, tài sản, bán trú, dinh dưỡng và các hoạt động khác của nhà trường, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

3. Cập nhật, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời. Khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác thống kê, báo cáo và ra quyết định quản lý.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê qua môi trường mạng theo quy định. nâng cao tính kịp thời, chính xác của thông tin báo cáo.

5. Tăng cường công tác truyền thông, công khai thông tin qua website, mạng xã hội và các nền tảng số phù hợp để thực hiện công tác truyền thông, công khai các hoạt động của nhà trường; cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời đến phụ huynh và cộng đồng; nâng cao hiệu quả tương tác, phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Điều 5. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Viên chức, NLD sử dụng CNTT trong xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý hồ sơ chuyên môn.

2. Sử dụng các phần mềm, công cụ số để xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần, ngày; thực hiện soạn giảng, lưu trữ và quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường điện tử; đảm bảo tính khoa học, thống nhất, thuận tiện trong chia sẻ, kiểm tra và khai thác.

3. Khai thác, sử dụng thiết bị và học liệu số trong tổ chức hoạt động giáo dục

4. Tổ chức sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ (máy tính, tivi, ...) và học liệu số trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi cho trẻ; đảm

bảo nội dung phù hợp với độ tuổi mầm non, an toàn, không lạm dụng thiết bị, phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ.

5. Xây dựng, quản lý và sử dụng kho học liệu số: tổ chức xây dựng kho học liệu số của nhà trường bao gồm: bài giảng điện tử, video, hình ảnh, tài liệu số hóa phục vụ hoạt động giáo dục; thực hiện cập nhật, phân loại, lưu trữ khoa học; khuyến khích chia sẻ, khai thác hiệu quả giữa các tổ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

6. Sử dụng các phần mềm, hệ thống số để theo dõi, cập nhật thông tin về sức khỏe, dinh dưỡng và đánh giá sự phát triển của trẻ theo các lĩnh vực; đảm bảo dữ liệu được cập nhật thường xuyên, chính xác; khai thác kết quả để điều chỉnh kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp.

7. Lồng ghép ứng dụng công nghệ phù hợp trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá khoa học, giáo dục STEAM; đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục mầm non, điều kiện thực tế của nhà trường; góp phần phát triển tư duy, kỹ năng và khả năng sáng tạo của trẻ.

Điều 6. Hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin

Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: tổ chức trang bị, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị trình chiếu và đường truyền internet phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và các hoạt động của nhà trường; đảm bảo kết nối ổn định, đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

Quản lý, bảo trì và sử dụng thiết bị: thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thiết bị CNTT; kịp thời phát hiện, sửa chữa, thay thế khi có hư hỏng; sử dụng thiết bị đúng mục đích, đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát tài sản.

Đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu: thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu; bảo mật thông tin cá nhân của trẻ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân quyền truy cập phù hợp; không cung cấp, chia sẻ thông tin khi chưa được phép; tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin mạng.

Quản lý việc sử dụng thiết bị và phần mềm: nghiêm cấm việc sử dụng thiết bị, phần mềm không rõ nguồn gốc, chưa được kiểm duyệt hoặc vi phạm quy định của pháp luật về an ninh mạng; không cài đặt, khai thác các phần mềm, ứng dụng không phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; thực hiện sử dụng hệ thống, phần mềm theo đúng hướng dẫn và quy định của cơ quan quản lý.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN, BỘ PHẬN

Điều 7. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nhà trường theo từng năm học và giai đoạn; đảm bảo bám sát định hướng của

ngành và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; tổ chức triển khai đồng bộ trong toàn trường.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận trong việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; bố trí nguồn lực cần thiết (nhân lực, thiết bị, kinh phí) để đảm bảo thực hiện hiệu quả.

Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện tại các tổ, bộ phận; đánh giá kết quả triển khai theo các tiêu chí, chỉ số quy định; kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của nhà trường; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; đảm bảo tính chính xác, trung thực của số liệu và kết quả báo cáo.

Điều 8. Trách nhiệm của Phó Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện theo lĩnh vực được phân công: căn cứ kế hoạch chung của nhà trường, trực tiếp tổ chức triển khai các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; xây dựng kế hoạch cụ thể, hướng dẫn thực hiện tại các tổ, bộ phận; đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện: thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chuyên môn, bộ phận trong quá trình triển khai; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; đôn đốc các cá nhân, bộ phận thực hiện đúng quy định, đúng tiến độ.

Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả: tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu, minh chứng từ các tổ, bộ phận; đánh giá kết quả triển khai theo các tiêu chí, chỉ số quy định; định kỳ và đột xuất báo cáo Hiệu trưởng; tham mưu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường.

Điều 9. Trách nhiệm của giáo viên, nhân viên

Chủ động ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ: chủ động khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và các phần mềm, hệ thống số trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công việc được giao; tích cực đổi mới phương pháp làm việc, giảng dạy, nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Cập nhật, quản lý dữ liệu và hồ sơ điện tử: thực hiện nhập liệu, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, dữ liệu và hồ sơ chuyên môn trên các hệ thống, phần mềm quản lý; đảm bảo tính thống nhất giữa hồ sơ điện tử và thực tế; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu do mình phụ trách.

Tham gia bồi dưỡng, nâng cao năng lực CNTT: tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tự học để nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và kỹ năng số; cập nhật kiến thức, kỹ năng mới nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

Chấp hành quy định về an toàn thông tin: thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; không tự ý cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu khi chưa được phép; sử dụng thiết bị, tài khoản và hệ thống CNTT đúng mục đích, đúng quy định; chịu trách nhiệm đối với các vi phạm (nếu có).

Điều 10. Trách nhiệm của bộ phận phụ trách CNTT

Tham mưu về hạ tầng, phần mềm và giải pháp chuyên đổi số: Chủ động tham mưu với Hiệu trưởng về kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (thiết bị, mạng, đường truyền); lựa chọn, triển khai các phần mềm, nền tảng số phù hợp với yêu cầu quản lý, giảng dạy và điều hành; đề xuất các giải pháp ứng dụng CNTT, chuyên đổi số bảo đảm tính hiệu quả, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT: thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc cài đặt, khai thác và sử dụng các phần mềm, hệ thống CNTT; xử lý các sự cố kỹ thuật phát sinh; đảm bảo các hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, phục vụ hiệu quả công việc.

Quản lý, bảo trì thiết bị và đảm bảo an toàn dữ liệu: thực hiện quản lý, theo dõi, kiểm kê hệ thống thiết bị CNTT; xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; kịp thời phát hiện, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng; tổ chức các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu, lưu trữ dữ liệu; phòng ngừa rủi ro mất mát, lộ lọt dữ liệu trong quá trình sử dụng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức triển khai

Quy chế này được tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và các hình thức phù hợp; đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm rõ nội dung, yêu cầu và trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện.

Căn cứ nội dung quy chế, các tổ chuyên môn, bộ phận hành chính, nuôi dưỡng và các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện, phân công trách nhiệm; tổ chức thực hiện đồng bộ, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá, khen thưởng và xử lý vi phạm

Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số tại các tổ chuyên môn, bộ phận theo kế hoạch định kỳ và kiểm tra đột xuất khi cần thiết; nội dung kiểm tra tập trung vào mức độ thực hiện các quy định, hiệu quả ứng dụng trong công việc và việc cập nhật, quản lý dữ liệu trên các hệ thống.

Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản, làm căn cứ để đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả thực hiện.

Kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là một trong những tiêu chí bắt buộc trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua hằng năm đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các tập thể trong nhà trường; đồng thời là căn cứ để xem xét khen thưởng, biểu dương hoặc xử lý trách nhiệm theo quy định.

Khen thưởng: cá nhân thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, có sáng kiến, giải pháp hiệu quả hoặc đạt kết quả cao trong triển khai sẽ được xem xét biểu dương, khen thưởng theo quy định của nhà trường và quy định hiện hành; kết quả thực hiện là căn cứ để đánh giá thi đua, xếp loại và đề nghị khen thưởng các cấp.

Xử lý vi phạm: cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, gây ảnh hưởng đến hiệu quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của nhà trường, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị nhắc nhở, phê bình, trừ điểm thi đua hoặc xử lý theo quy định hiện hành; trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ phận phản ánh về Ban Giám hiệu để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.